

Số: /GCN-SXD(GĐCL) Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và kiểm định xây dựng Thăng Long; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/7/2024; văn bản số 240722/CV-TL ngày 22/7/2024 của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và kiểm định xây dựng Thăng Long về việc thông báo hoàn thành việc khắc phục các nội dung trong Biên bản đánh giá; tài liệu bổ sung cung cấp với thành viên đoàn đánh giá ngày 15/8/2024 và Biên bản kiểm tra khắc phục ngày 19/8/2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và kiểm định xây dựng Thăng Long.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106944801 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 08 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: số 43, ngõ 175/27, tổ 25, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983698585

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng.

Địa điểm đặt phòng thí nghiệm: trên đường Vĩnh Ninh, thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.101.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và kiểm định xây dựng Thăng Long;
- Bộ Xây dựng; | (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; |
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Lưu: VT, GDCL(H.N. Duy, 05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.101**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số /GCN-SXD(GĐCL) ngày tháng 8 năm 2024)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLANKE	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU	
5	Xác định thành phần hạt và modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
8	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hông	TCVN 7572-6:2006
9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006
11	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
13	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
14	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá, hạt nhẹ	TCVN 7572-17:2006
17	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
18	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
19	Xác định khối lượng riêng của đá (xây dựng công trình thủy lợi) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
20	Xác định độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
21	Xác định khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
22	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
23	Xác định hệ số đương lượng cát	AASHTO T176-02
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG NHẸ	
24	Xác định: Thành phần cỡ hạt; Khối lượng thể tích; Độ bền trong xi lanh; Hàm lượng mất khi đun sôi; Độ hút nước	TCVN 6221:1997
IV	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
25	Xác định độ sụt.	TCVN 3106:2022

26	Xác định độ cứng vebe.	TCVN 3107:2022
27	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
28	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
29	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
30	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022
31	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
32	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
33	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
34	Xác định cường độ kéo khi bửa/chẻ	TCVN 3120:2022
35	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
36	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCVN 3118:1993
V	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG TỰ LÊN	
37	Xác định; Độ chảy loang; Khả năng chống phân tầng	TCVN 12209:2018
VI	THỬ NGHIỆM CÔNG, VẬT LIỆU BẢNG BÊ TÔNG VÀ ĐÁ	
38	Công hộp: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9116:2012
39	Công tròn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9113:2012
40	Gôi công: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 10799:2015
41	Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ bê tông, xác định khả năng chịu tải của sản phẩm.	TCVN 10797:2015
VII	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
42	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022
43	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
44	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN3121-6:2022
45	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
46	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
47	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
48	Vữa chèn cấp dự ứng lực- Xác định: Lượng vón cục trên sàng có kích thước lỗ 2mm; Độ chảy và độ chảy lan tỏa; Độ tách nước sau 3h và thay đổi thể tích vữa sau 24h	TCVN 11971:2018
49	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co - Xác định: Độ chảy; Độ tách nước; Cường độ chịu nén	TCVN 9204:2012
VIII	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
50	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích; Xác định độ tróc do vôi; Xác định sự thoát muối	TCVN 6355:2009
IX	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG	
51	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định	TCVN 4313:2023

	tải trọng uốn gãy; Xác định khối lượng một mét vuông ngói ở dạng bão hòa nước; Xác định độ thấm nước	
X	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
52	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
53	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
XI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ - SẢN PHẨM BÊ TÔNG BỌT VÀ BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
54	Xác định hình dạng, kích thước khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén và khối lượng thể tích khô; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
55	Xác định hình dạng, kích thước khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
56	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
57	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-2,3:2009
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
58	Xác định hình dạng, kích thước khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên; Xác định độ cứng bề mặt toàn viên gạch	TCVN 6065:1995
XIV	THỬ NGHIỆM GẠCH LÁT GRANITO	
59	Xác định hình dạng, kích thước khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995
60	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 6065:1995
XV	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP LÁT	
61	Kiểm tra kích thước	TCVN 6415-2:2016
62	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
63	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
64	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2016
65	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016
XVI	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
66	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732:2016
67	Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
XVII	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO	
68	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 8057:2009
69	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
70	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016
XVIII	THỬ NGHIỆM ĐẤT, VẬT LIỆU ĐẬP	
71	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:2012
72	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012
73	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012
74	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
75	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995 TCVN 8725:2012
76	Xác định tính nén lún của đất	TCVN 4200:2012

77	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 TCVN 4202:2012
78	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012
79	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
80	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020
81	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020
82	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
XIX	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
83	Xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
84	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
85	Kiểm tra đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022
86	Xác định độ chặt, độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường bằng phương pháp dao đai.	TCVN 12791:2020
87	Xác định độ chặt, độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
88	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
89	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
90	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
91	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vông Benkelman	TCVN 8867:2011
92	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
93	Xác định cường độ kéo nhỏ vật liệu	TCVN 9490:2012
94	Siêu âm thành vách hố khoan cọc nhồi	22TCN 257:2000
XX	THỬ NGHIỆM BENTONITE	
95	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định hàm lượng cát; Xác định trị số pH; Xác định độ ổn định	TCVN 11893:2017
XXI	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN	
96	Thử kéo, giãn dài	TCVN 197:2014 TCVN 1824:1993
97	Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 1825:1993
98	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
99	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
100	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
101	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
102	Thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997
103	Thử kéo bu lông – đai ốc, ốc vít	TCVN 1916:1995
104	Thử nghiệm kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 13711:2023

105	Thí nghiệm nắp hồ ga và song chắn rác: Kiểm tra ngoại quan và khuyết tật; khả năng chống thấm nước; Xác định cường độ	TCVN 10333:2014
XXII	THỬ NGHIỆM BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
106	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005
107	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
108	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
109	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017 TCVN 11711:2017
110	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2023
111	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
112	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
113	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2:2011
114	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-3:2011
115	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
XXIII	THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
116	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
117	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm bằng phương pháp sàng)	TCVN 8817-4:2011
118	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
119	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
120	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
121	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8117-10:2011
122	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
123	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
124	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
125	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
126	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XXIV	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
127	Đánh giá hình dáng bên ngoài; Xác định lượng mất khi nung; Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng dư, độ ổn định, độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Xác định chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58:1984
128	Xác định thành phần hạt: Xác định độ âm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
129	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
XXV	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
130	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
131	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
132	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
133	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
134	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011

135	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011
136	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
137	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
138	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
139	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
140	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
141	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
XXVI	THỬ NGHIỆM ỚNG NHỰA PVC, HDPE, PPR, PE, UPVC VÀ PHỤ KIỆN ỚNG	
142	Xác định thông số kích thước hình học	TCVN 6145:2007
XXVII	THỬ NGHIỆM SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG – VẬT LIỆU KẼ ĐƯỜNG PHẢN QUANG NHIỆT ĐỂ	
143	Xác định: hàm lượng chất tạo màng; nhiệt độ hóa mềm; khối lượng riêng; chiều dày vạch sơn tín hiệu	TCVN 8791:2011
144	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015
XXVIII	THỬ NGHIỆM SƠN TƯỜNG, SƠN EPOXY VÀ VECNI	
145	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa; Xác định đặc tính khả năng thi công; Xác định độ ổn định ở nhiệt độ thấp; Xác định ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024
146	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015
147	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
148	Xác định độ bền nước	TCVN 8653-2:2024
149	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2024
150	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-5:2024
151	Xác định thời gian sống	TCVN 9014:2011
XXIX	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
152	Chiều dày dung sai	TCVN 7219:2018
XXX	THỬ NGHIỆM CỬA	
153	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan cửa đi, cửa nhựa bằng khung nhựa cứng U-PVC và cửa đi, cửa sổ thông dụng bằng gỗ	TCVN 7451:2004 TCVN 9366:2012
XXXI	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
154	Xác định lượng nước trộn tối đa so với mẫu đối chứng; Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2011
155	Xác định cường độ nén tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 3118:2022
156	Xác định cường độ uốn tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 3119:2022
XXXII	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HOẠT TÍNH TRO BAY CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
157	Xác định lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011
158	Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
159	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng sau 28 ngày so với mẫu đối chứng	TCVN 6016:2011
XXXIII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THÂM - BĂNG CẢN NƯỚC	
160	Xác định sai lệch so với kích thước danh nghĩa	TCVN 11904:2017
161	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2013
162	Xác định thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt; Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014

XXXIV	THỬ NGHIỆM BÁC THÂM	
163	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009
164	Xác định khả năng thoát nước	ASTM D 4716
XXXV	THỬ NGHIỆM MATIT CHÈN KHE	
165	Khối lượng riêng	ASTM D71-2004
166	Độ kim lún	ASTM D5329-96 TCVN 7495:2005
167	Độ chảy	ASTM D5329-96
168	Độ giãn dài ở -10°C	TCVN 7496:2005
169	Nhiệt độ chảy mềm	ASTM D36-1995

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.